TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TL** **TỈNH HN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 01 - 2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL - TỈNH HN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lại Xuân Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Quý;

2. Ông Quách Xuân Luyện.

- Thư ký phiên toà: Bà Nhiếp Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL - tỉnh HN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, tỉnh HN tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh HN, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2017/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh M1 - sinh năm 1989; có mặt,

2. Bị đơn: Anh Mai Văn X1 - sinh năm 1988; vắng mặt lần thứ hai không có lý do,

Cùng ĐKHKTT tại: Thôn C1, xã LT, huyện TL, tỉnh HN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh M1 trình bày:

Chị và anh Mai Văn X1 kết hôn với nhau trên cơ sở có tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã LT, huyện TL, tỉnh HN ngày 08/11/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn C1, xã LT, huyện TL. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng tháng 6/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh X1 đi làm ăn xa, không quan tâm gì đến gia đình. Khi chị sinh con thì anh X1 chỉ về được mấy ngày rồi lại đi, không quan tâm gì đến vợ con và cũng không đưa tiền để chị nuôi dưỡng

con. Mỗi khi anh X1 về nhà thì vợ chồng lại cãi vã nhau và anh X1 lại bỏ đi ngay. Ngoài ra, anh X1 còn có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, làm tình cảm của vợ chồng rạn nứt, phai nhạt. Ngày 19/10/2017, vợ chồng xảy ra đánh, cãi, chửi nhau; anh X1 đã đập điện thoại của chị và đuổi chị ra khỏi nhà, không cho chị bế con nhỏ theo. Do không chịu đựng được cách sống của anh X1, nên ngay tối hôm đó chị đành để con ở đó và bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở. Tuy nhiên hàng ngày chị vẫn về nhà chồng để cho con bú và chăm sóc con, tối chị lại về nhà bố mẹ đẻ chị. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều tháng nay, không quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được chính quyền, đoàn thể địa phương hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh X1 đã hết, cuộc sống chung không kéo dài được nữa; đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Văn X1. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Mai Phương N1 - sinh ngày 01/6/2016; hiện tại cháu đang ở với gia đình anh X1. Nếu ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu N1 cho chị nuôi dưỡng và không yêu cầu anh X1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 31/10/2017 và biên bản hòa giải ngày 15/11/2017, bị đơn Mai Văn X1 trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh M1 kết hôn với nhau trên cơ sở có tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã LT ngày 08/11/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng tháng 5/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh làm ăn chung với bạn bè bị thua lỗ, dẫn đến nợ nần tiền bạc. Ngoài ra, chị M1 luôn nghi ngờ anh có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, làm tình cảm vợ chồng rạn nứt, phai nhạt. Mặc dù tình cảm của anh đối với chị M1 chưa hết, thời gian sống ly thân của vợ chồng không dài; nhưng chị M1 làm đơn xin ly hôn thì càng làm cho tình cảm lạnh nhạt, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, trầm trọng hơn. Mâu thuẫn giữa anh, chị đã được hai bên gia đình khuyên nhủ, chính quyền, đoàn thể địa phương hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không đạt. Nay anh xác định vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn làm ảnh hưởng đến cuộc sống hôn nhân gia đình, nhưng tình cảm vợ chồng giữa anh và chị M1 vẫn còn, đề nghị Toà án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Mai Phương N1 - sinh ngày 01/6/2016. Do anh không có nguyện vọng ly hôn, nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Nếu chị M1 vẫn cương quyết xin ly hôn, thì anh xin được nuôi cháu N1 và không yêu cầu chị M1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị M1 giữ nguyên quan điểm.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia

đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh M1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh M1 và anh Mai Văn X1. Giao cháu Mai Phương N1 cho chị Nguyễn Thị Thanh M1 nuôi dưỡng cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi; anh X1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí ly hôn sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Thanh M1 phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh M1 có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là anh Mai Văn X1 hiện đang cư trú tại xã LT, huyện TL, tỉnh HN; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện TL.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do; theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thanh M1 và anh Mai Văn X1 là tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống, do bất đồng trong quan điểm sống nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều tháng nay, không quan tâm đến nhau và cũng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm, hàn gắn quan hệ vợ chồng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải, chính quyền địa phương và Tòa án tiến hành hòa giải, nhưng không thành.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M1 và anh X1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị M1 xin ly hôn anh X1 là có căn cứ, phù hợp với thực tế và Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh, chị có 01 con chung là cháu Mai Phương N1 - sinh ngày 01/6/2016. Hội đồng xét xử xét thấy: Con chung của anh chị hiện còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi. Chị M1 có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Anh X1 không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định, lại thường phải đi làm ăn xa, nên việc chăm sóc con chung là rất khó khăn. Vì vậy, nên giao con chung của vợ chồng cho chị Nguyễn Thị Thanh M1 nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu N1 và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị M1 không yêu cầu anh X1 cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ, ruộng tăng sản, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị Nguyễn Thị Thanh M1 và anh Mai Văn X1 đều không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh M1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh M1 và anh Mai Văn X1.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Mai Phương N1 - sinh ngày 01/6/2016 cho chị Nguyễn Thị Thanh M1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi; anh Mai Văn X1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh M1 phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 04260 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TL.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HN;
- VKSND huyện TL;
- Chi cục THADS huyện TL;
- UBND xã LT, huyện TL, tỉnh HN;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Xuân Cảnh